

Số: 4558 /TB-STC

Bình Phước, ngày 05 tháng 12 năm 2016

THÔNG BÁO

Kết quả thanh tra công tác quản lý tài chính tại Hội Nông dân tỉnh và đơn vị trực thuộc năm 2015

Thực hiện Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 08/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy trình công bố kết quả thanh tra, kiểm tra; Kết quả phòng chống tham nhũng, lãng phí trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh Bình Phước,

Sở Tài chính thông báo kết quả thanh tra công tác quản lý tài chính tại Hội Nông dân tỉnh và đơn vị trực thuộc năm 2015 như sau:

A. Đối tượng, nội dung và thời kỳ của cuộc thanh tra:

I. Đối tượng thanh tra:

Hội Nông dân tỉnh; Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh.

II. Nội dung thanh tra:

1. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách và các nguồn thu, chi khác năm 2015.

2. Thanh tra việc chấp hành các luật, chính sách, chế độ về quản lý tài chính, kế toán đối với các nguồn kinh phí thuộc ngân sách Nhà nước và các nguồn thu, chi khác năm 2015.

3. Kiểm tra các nội dung khác có liên quan đến trước hoặc sau thời kỳ thanh tra nếu xét thấy cần thiết.

III. Thời kỳ thanh tra: Năm 2015.

B. Kết quả của cuộc thanh tra:

I. Về việc xác định loại hình tự chủ:

Hội Nông dân tỉnh là cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 của UBND tỉnh; Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động theo Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh.

II. Về việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

Nhìn chung, các đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ đúng với các chế độ chính sách quy định. Tuy nhiên, cần bổ sung một số điểm sau: chi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính và Quyết định số 73/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh; chi nghỉ phép thực hiện theo Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 và Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06/5/2014 của Bộ Tài chính.

III. Về việc lập và giao dự toán:



Thực hiện hướng dẫn tại Thông tư số 84/2014/TT-BTC ngày 27/6/2014, Thông tư số 211/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2015; trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm trước các đơn vị thực hiện tính và lập dự toán năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình các cấp có thẩm quyền thông qua và được UBND tỉnh phê duyệt giao dự toán thu, chi NSNN năm 2015.

IV. Về việc thực hiện dự toán thu:

Hội Nông dân tỉnh là cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh là đơn vị thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. Trong năm, các đơn vị có nguồn thu như sau: *Đvt: đồng*

| STT | Tên đơn vị | Số tiền |
|-----|---|-------------|
| 1 | Hội Nông dân tỉnh: | 752.014.100 |
| - | Thu hội phí | 46.637.000 |
| - | Thu phí cho vay | 705.377.100 |
| 2 | Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh (dịch vụ): | 400.223.180 |

Nhận xét:

Các đơn vị thực hiện thu hội phí, phí cho vay vốn theo Quyết định số 1181-QĐ/HNDTW ngày 25/12/2013 của Ban chấp hành Trung ương Hội nông dân Việt Nam; Quyết định số 1201-QĐ/HNDTW ngày 31/12/2013 của Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính; các khoản thu dịch vụ nhà nghỉ và cho thuê hội trường được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa Trung tâm và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Thu bằng hóa đơn do Bộ Tài chính quy định và thực hiện kê khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định.

V. Về việc thực hiện dự toán chi:

Căn cứ Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản giao dự toán điều chỉnh, bổ sung. Tình hình thực hiện và quyết toán kinh phí như sau:

1. Hội Nông dân tỉnh:

Đvt: đồng

| 1.1 | Kinh phí tự chủ: | |
|-----|---|---------------|
| - | Kinh phí năm trước chuyển sang: | 0 |
| - | Kinh phí được giao trong năm: | 2.491.305.000 |
| - | Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: | 2.491.089.680 |

| | | |
|------------|---|----------------|
| - | Kinh phí còn lại chuyển năm sau: | 215.320 |
| 1.2 | Kinh phí không tự chủ: | |
| - | Kinh phí năm trước chuyển sang: | 0 |
| - | Kinh phí được giao trong năm: | 2.062.761.000 |
| - | Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: | 2.061.423.085 |
| - | Kinh phí hủy tại kho bạc: | 1.337.915 |
| 1.3 | Nguồn thu, chi hội phí: | |
| - | Số năm trước chuyển sang: | 0 |
| - | Số thu trong năm: | 46.637.000 |
| - | Số chi trong năm: | 46.637.000 |
| - | Số chuyển sang năm sau: | 0 |
| 1.4 | Quỹ hỗ trợ nông dân: | |
| - | Nguồn vốn năm trước chuyển sang: | 64.600.000 |
| - | Nguồn vốn tăng trong năm: | 7.160.000.000 |
| - | Nguồn vốn thu hồi trong năm: | 7.415.700.000 |
| - | Nguồn vốn giải ngân trong năm: | 11.500.000.000 |
| - | Nguồn vốn giảm trong năm (chuyển trả TW): | 3.060.000.000 |
| - | Nguồn vốn chuyển năm sau: | 80.300.000 |
| 1.5 | Nguồn thu, chi từ phí cho vay vốn: | |
| - | Tồn năm trước chuyển sang: | 1.562.212 |
| - | Tổng phí thu trong năm: | 705.377.100 |
| - | Tổng chi phí trong năm: | 702.227.225 |
| - | Tồn chuyển sang năm sau: | 712.087 |

2. Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh:

Đvt: đồng

| | | |
|------------|---|-------------|
| 2.1 | Kinh phí tự chủ: | |
| - | Kinh phí năm trước chuyển sang: | 0 |
| - | Kinh phí được giao trong năm: | 732.310.000 |
| - | Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: | 732.310.000 |
| - | Kinh phí còn lại chuyển năm sau: | 0 |
| 2.2 | Kinh phí không tự chủ: | |
| - | Kinh phí năm trước chuyển sang: | 0 |
| - | Kinh phí được giao trong năm: | 650.000.000 |
| - | Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán: | 646.644.000 |
| - | Kinh phí hủy tại kho bạc: | 3.356.000 |

| | | |
|------------|--------------------------------------|-------------|
| 2.3 | Thu, chi hoạt động sự nghiệp: | |
| - | Số năm trước chuyển sang: | 0 |
| - | Số thu trong năm: | 400.223.180 |
| - | Số chi trong năm: | 400.223.180 |
| - | Số chuyển sang năm sau: | 0 |

3. Nhận xét:

3.1. Đối với nguồn kinh phí tự chủ, không tự chủ:

Đa số các khoản chi trong năm có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ và đúng với chế độ định mức, mục tiêu, nhiệm vụ do nhà nước quy định. Tuy nhiên, các đơn vị vẫn còn một số sai sót như sau:

Chi khoản tiền điện thoại di động cho Lãnh đạo chưa đúng so với quy định tại Quyết định số 11/2004/QĐ-UB ngày 09/02/2004 của UBND tỉnh với số tiền 10.000.000 đồng, chi nghỉ phép với số tiền 3.539.000 đồng (không có xác nhận của cơ sở y tế) chưa đúng theo quy định tại Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính.

3.2. Đối với nguồn Quỹ hỗ trợ nông dân:

(Đoàn thanh tra chỉ kiểm tra hồ sơ lưu tại Hội Nông dân tỉnh, không đi kiểm tra thực tế tại các đối tượng vay vốn)

Đơn vị thực hiện quản lý và cho vay vốn cơ bản đúng mục đích, đối tượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, với nguồn vốn ngân sách tỉnh, một số đối tượng vay vốn còn thiếu thủ tục theo quy định tại Hướng dẫn số 82 HD/QHTTW ngày 22/12/2014 của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương.

3.3. Đối với nguồn thu của các đơn vị:

Các khoản chi trong năm có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ và đúng theo chế độ định mức do nhà nước quy định.

VI. Về việc quản lý, sử dụng tài sản cố định:

Công tác quản lý, sử dụng tài sản được các đơn vị thực hiện đúng theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng NSNN. Tuy nhiên, vẫn còn đơn vị chưa xây dựng quy chế quản lý tài sản theo quy định tại Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính; chưa thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản; Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

VII. Về việc chấp hành pháp luật về kế toán:

1. Hạch toán kế toán và sổ kế toán:

Các đơn vị sử dụng chương trình phần mềm kế toán trong hạch toán ghi sổ, xử lý số liệu, báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Quyết định số

19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính.

2. Chấp hành lập báo cáo tài chính:

Các đơn vị lập đầy đủ các mẫu báo cáo tài chính theo quy định.

B. KIẾN NGHỊ:

Các đơn vị chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót như đã nêu ở phần kết luận. Đồng thời:

1. Rút kinh nghiệm và thực hiện chi tiền khoản tiền điện thoại di động cho lãnh đạo đúng theo quy định tại Quyết định số 11/2004/QĐ-UB ngày 09/02/2004 của UBND tỉnh; chi nghỉ phép đúng theo quy định tại Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính.

2. Rút kinh nghiệm trong việc cho các đối tượng vay vốn từ nguồn Quỹ hỗ trợ nông dân khi chưa đầy đủ thủ tục theo quy định, đồng thời thực hiện đúng theo quy định tại Hướng dẫn số 82 HD/QHTTW ngày 22/12/2014 của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, nhằm sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích nguồn vốn ngân sách hỗ trợ cho Quỹ hỗ trợ nông dân.

3. Cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số điều khoản trong Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

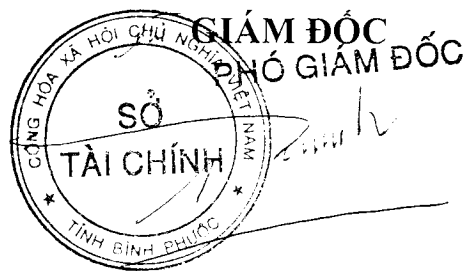
4. Thực hiện xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản đúng theo quy định tại Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

5. Thực hiện kiểm kê tài sản theo đúng quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản; Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Trên đây là thông báo kết quả thanh tra công tác quản lý tài chính tại Hội Nông dân và đơn vị trực thuộc năm 2015, Sở Tài chính đề nghị Ban biên tập Website đưa thông báo này lên Website của Sở để thực hiện công bố công khai đúng theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Ban biên tập Website STC;
- Lưu: VT, TTr (H.Hùng).



Nguyễn Phước Thành

